

Số: 12 /NQ-HĐND

Đồng Hới, ngày 04 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giao nhiệm vụ cho UBND thành phố thực hiện một số nội dung trong dự  
toán chi ngân sách năm 2024.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện một số nội dung chi trong dự toán chi ngân sách năm 2024: giao bổ sung dự toán năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thuộc dự toán ngân sách năm 2024.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất; giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, hai Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân

thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới khóa XXII - kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 04/4/2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh Quảng Bình;
  - UBND tỉnh Quảng Bình;
  - Sở Tài chính;
  - Ban Thường vụ Thành ủy;
  - TT HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
  - Hai Ban HĐND TP;
  - Đại biểu HĐND TP;
  - Các phòng, ban, đơn vị đoàn thể TP;
  - HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã phường;
  - Website Đồng Hới;
  - Lưu VP HĐND-UBND TP.
- } (để b/c)

**CHỦ TỊCH**



**Trần Phong**



## PHỤ LỤC

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

ĐVT: 1000đ

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các Nghị quyết do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
A	<b>TỔNG SỐ CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>185 653 302</b>	<b>34 074 000</b>
I	<b>SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>107 051 000</b>	<b>3 041 000</b>
1	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	1 993 000	1 993 000
2	Thủy lợi, nông nghiệp	400 000	
3	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa	1 048 000	1 048 000
4	Kinh phí xây dựng các mô hình và đào tạo chuyển giao KHKT nông nghiệp	200 000	
5	Kinh phí thực hiện đề án đào tạo nghề cho du lịch	350 000	
6	Kinh phí học tập kinh nghiệm	1 000 000	
7	Mua sắm, sửa chữa tài sản	1 000 000	
8	Sự nghiệp lâm nghiệp	250 000	
9	Kinh phí dịch vụ đô thị	64 200 000	
10	Các hoạt động sự nghiệp giao thông, xây dựng	400 000	
11	Kinh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	18 000 000	
12	KP phục vụ công tác đấu giá, giao đất	50 000	
13	KP phục vụ công tác chống thất thu	200 000	
14	KP chỉnh trang đô thị	5 000 000	
15	Kinh phí phục vụ hoạt động phố đi bộ	300 000	
16	KP thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm	200 000	
17	Giám sát thực hiện nông thôn mới	100 000	
18	KP phục vụ hoạt động tại quảng trường HCM	1 000 000	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các Nghị quyết do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
19	Vốn quy hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án, kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất...	11 360 000	
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>	<b>20 359 200</b>	<b>807 000</b>
1	Kinh phí hỗ trợ mua sách giáo khoa, sách giáo viên, đồ dùng dạy học	3 000 000	
2	KP hội khỏe Phù Đổng	950 000	
3	Chi khác (GD)	3 500 000	
4	Chính sách hỗ trợ HS theo ND 81 và ND 57	630 000	630 000
5	Kinh phí đào tạo	600 000	
6	KP phục vụ công tác các trường	5 500 000	
7	Kp ăn trưa trẻ 3-5 tuổi	177 000	177 000
8	Sự nghiệp giáo dục khác (các chế độ GD)	3 500 000	
9	Chi hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng	450 000	
10	Chi hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi các trường	52 200	
11	Kinh phí Thi đua khen thưởng	2 000 000	
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	<b>25 741 000</b>	<b>25 741 000</b>
1	BHYT các đối tượng	24 004 000	24 004 000
2	Sự nghiệp y tế khác	1 737 000	1 737 000
<b>IV</b>	<b>SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>	<b>6 577 000</b>	
1	KP xử lý môi trường	5 307 000	
2	KP làm ranh cản lửa, xử lý thực bì	200 000	
3	KP bảo vệ và phát triển rừng	500 000	
4	KP lập đề án bảo vệ môi trường các cụm CN	350 000	
5	SN tài nguyên môi trường	220 000	
<b>V</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH</b>	<b>10 450 000</b>	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các Nghị quyết do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
1	Tổ chức các ngày lễ	3 000 000	
2	Tổ chức tuần văn hóa du lịch và 20 năm thành lập Tp	7 000 000	
3	Nghị quyết văn minh đô thị	450 000	
<b>VI</b>	<b>CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>4 485 000</b>	<b>4 485 000</b>
1	ĐBXH phân bổ sau	2 949 000	2 949 000
2	KP trợ cấp huy hiệu Đảng	750 000	750 000
3	Kinh phí mừng thọ người cao tuổi	700 000	700 000
4	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	86 000	86 000
<b>VII</b>	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>2 020 000</b>	
1	KP đại hội các hội đoàn thể	890 000	
2	Kinh phí Thi đua khen thưởng	1 000 000	
3	KP ứng dụng phần mềm ngành TC	130 000	
<b>VIII</b>	<b>CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>380 000</b>	
1	Chi ATGT	380 000	
<b>IX</b>	<b>CHI KHÁC NGÂN SÁCH</b>	<b>8 590 102</b>	
1	Đoàn ra đoàn vào	500 000	
2	Chi khác	2 740 102	
3	Hỗ trợ các đơn vị	2 850 000	
4	Các hoạt động đón năm mới	1 500 000	
5	KP làm việc với các sở, ban ngành	1 000 000	
<b>X</b>	<b>NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (Theo số liệu thực tế phát sinh)</b>		

*JHB*